

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 881/2019/HC-PT  
Ngày: 06 - 12 - 2019  
V/v khiếu kiện Quyết định giải quyết  
khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Thanh Dũng  
*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Công Mười  
Bà Phạm Thị Duyên

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thân Văn Nhường -Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên

Ngày 06/12/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 450/2019/TLPT-HC ngày 07/8/2019 về “Khiếu kiện Quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2019/HC-ST ngày 21/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2004/2019/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1986. (Vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1954 (Theo Giấy ủy quyền ngày 05/10/2018 được Văn phòng công chứng V công chứng số 006511, quyền số 3TP/CC-SCC/HĐGD).

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện L1, tỉnh Bình Phước.

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L1, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện (*Theo Giấy ủy quyền số 19 ngày 02/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện L1 là ông Hoàng Nhật T*): Ông Nguyễn Gia H – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện L1. (Có mặt).

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Vũ Đức H, sinh năm 1975, địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện L1, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt).

2. Anh Đoàn Công Tr, sinh năm 1983, trú tại: Ấp Đ, xã L, huyện L1, tỉnh Bình Phước. (Có mặt).

*- Người làm chứng:*

1. Ông Đỗ Duy T, sinh năm 1955, địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện L1, tỉnh Bình Phước

2. Bà Lê Thị Lệ M, sinh năm 1961, địa chỉ: Ấp 3, xã L2, huyện L1, tỉnh Bình Phước.

*- Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Nguyễn Thị D.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà D và người đại diện theo ủy quyền của bà D là ông Nguyễn Văn D trình bày:*

Năm 2009, bà Nguyễn Thị D có nhận chuyển nhượng khu đất gồm 2 thửa 16 và 19 tờ bản đồ số 4 đo đạc chính quy tọa lạc tại ấp Đ, xã L, huyện L1, tỉnh Bình Phước. Sau khi nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) xem xét kỹ bà D nhận thấy con đường đi ở phía đông thửa đất đã bị ông Vũ Đức H lấn gần hết. Bà D chưa có điều kiện kinh tế, phương tiện để đi khiếu nại được và đất đã được cấp GCNQSDĐ.

Năm 2012, bà D viết đơn kiến nghị UBND xã L gần 1 năm UBND xã L không giải quyết được. Sau đó, bà D viết đơn kiến nghị UBND huyện L1 yêu cầu UBND buộc ông H phải trả lại diện tích đất đường đi mà ông H đã lấn chiếm cho bà con lối xóm, để bà con lối xóm không đi sang diện tích đất của gia đình nhà bà D nữa. UBND huyện lại cho rằng bà D yêu cầu cấm ranh mốc. Ngày 02/12/2013, UBND huyện ban hành Quyết định 3283/QĐ-UBND bác đơn kiến nghị của bà D. Không đồng ý với Quyết định 3283/QĐ-UBND bà D viết đơn khiếu nại gửi UBND tỉnh Bình Phước với nội dung như trên.

Ngày 07/11/2014, UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 2403/QĐ-UBND có nội dung như sau: Qua kiểm tra thực tế thửa đất thể hiện trên GCNQSDĐ cấp cho hộ ông H trùng khớp với hiện trạng sử dụng đất của hộ ông H, ông H không lấn chiếm đất đường đi nên không có cơ sở pháp lý để xem xét và giải quyết. Tuy nhiên, con đường đi có một số vị trí lớn hơn so với bản đồ địa chính là do bà con tự ý mở rộng đường đi về phía đất của bà D; Đối với bà D yêu cầu cấm ranh giới xác định thực tế thửa đất, diện tích của mình đề nghị bà liên hệ Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất hoặc Trung tâm kỹ thuật địa chính để được giải quyết theo pháp luật”. Đồng thời UBND tỉnh bác bỏ đơn khiếu nại của bà D và cho rằng ông H không lấn chiếm đường đi.

Không đồng ý với Quyết định 2403/QĐ-UBND bà D viết đơn khởi kiện 2

Quyết định trên ra Tòa án nhân dân (sau đây viết tắt là TAND) huyện L1 và TAND tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào mảnh trích đo địa chính số 2016, Hệ tọa độ VN 2000 khu vực nông thôn, tờ bản đồ số 4 đo theo yêu cầu của thanh tra huyện L1 ngày 29/3/2016 đã chứng minh ông H lấn chiếm hơn 200m<sup>2</sup> đất đường đi, bà D bị thiếu hụt 428m<sup>2</sup>. Việc ông H lấn chiếm hơn 200m<sup>2</sup> đất đường đi được thanh tra huyện bùng bít, giấu kín. Chỉ khi ông Hoàng Minh Th Tòa án tỉnh Bình Phước về thẩm định tại chỗ mới được hé lộ. Ông Hoàng Minh Th thẩm vấn “Bà D bị lấn chiếm đất tại sao không giải quyết cho bà D” ông Nguyễn Bá Nh trả lời “Làm theo sự chỉ đạo của cấp trên”.

Ngày 07/5/2016, UBND huyện ban hành quyết định số 1067/QĐ-UBND về việc hủy và thu hồi Quyết định số 3283/QĐ-UBND ngày 02/12/2013. Đồng thời UBND tỉnh cũng ban hành Quyết định số 1864/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 với nội dung hủy bỏ và thu hồi Quyết định số 2403/QĐ-UBND ngày 07/11/2014. Bà D rút đơn khởi kiện. Ngày 18/7/2016 TAND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 03/2016/QĐST đình chỉ giải quyết vụ án.

Vào ngày 10/3/2017, UBND huyện ban hành công văn số 161/UBND-NC với nội dung xác định ông H có sử dụng đất nhiều hơn GCNQSDĐ và có một phần thuộc diện tích con đường nhưng UBND huyện không thu hồi mà giữ nguyên con đường hiện hữu, hướng dẫn bà D khởi kiện người bán đất cho bà D ra Tòa theo thủ tục dân sự. Ngày 18/3/2017, bà D tiếp tục viết đơn khiếu nại công văn 161, đề nghị UBND huyện thu hồi hơn 200m<sup>2</sup> đất đường đi mà ông H đã lấn chiếm trả lại cho bà con lối xóm để bà con lối xóm không đi sang đất của gia đình bà D nữa nhưng UBND huyện vẫn cố tình bao che cho ông H.

Ngày 15/6/2017, UBND huyện ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2865/QĐ-UBND, cho rằng: “...*Tuy nhiên ông H có thừa 200m<sup>2</sup> đất nhưng đã sử dụng ổn định.*” Đồng thời bác bỏ đơn khiếu nại của bà D. Việc UBND huyện bác đơn là trái quy định của pháp luật. Trong pháp luật đất đai không cho phép một cá nhân hay tập thể nào lấn chiếm đất công.

Không đồng ý với Quyết định số 2865/QĐ-UBND ngày 15/6/2017 của UBND huyện L1 nên ngày 21/6/2017 bà D viết đơn khởi kiện gửi TAND tỉnh Bình Phước với nội dung yêu cầu hủy Quyết định số 2865/QĐ-UBND ngày 15/6/2017, yêu cầu UBND giải quyết đúng luật đất đai.

Ngày 28/9/2017, UBND huyện L1 ban hành Quyết định số 3881/QĐ-UBND thu hồi Quyết định số 2865/QĐ-UBND ngày 15/6/2017. TAND tỉnh Bình Phước yêu cầu bà D rút đơn khởi kiện. Ngày 29/9/2017. TAND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 12/2017/QĐST-HC đình chỉ giải quyết vụ án hành chính.

Sau khi Tòa án đình chỉ vụ án, vào ngày 24/8/2018 UBND ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2721/QĐ-UBND bác một phần đơn khiếu nại “*Về việc yêu cầu điều chỉnh diện tích hình thể ngoài thực địa đúng với hình thể thửa đất trên GCNQSDĐ.... Xây dựng kế hoạch mở đường theo đề án số 03*

*trình UBND huyện thu hồi diện tích đất tăng lên của ông H để mở rộng đường”*

Bà D không đồng ý với Quyết định này, lý do: Bà D nhận sang nhượng đất được người bán và UBND huyện cho phép chuyển nhượng toàn bộ 7884m<sup>2</sup>. Bà D và người bán đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ hành chính và nộp thuế cho nhà nước. Đất này thuộc quyền sở hữu của bà D. Không một cá nhân tập thể nào có quyền xâm phạm khi chưa được phép của bà D (Theo như nội dung quyết định số 2403/QĐ-UBND tỉnh Bình Phước). Việc mở rộng đường đi bà D nhất trí phải mở cả 2 bên.

Tại đơn khởi kiện bà D yêu cầu Tòa án hủy quyết định số 2721/QĐ-UBND ngày 24/8/2018; Buộc UBND huyện thu hồi toàn bộ diện tích đường đi ông H đã lấn chiếm trả lại cho người dân theo đúng bản đồ địa chính khu vực và sơ đồ trên GCNQSDĐ của 2 gia đình; Yêu cầu người dân phải trả lại diện tích đất người dân đã tự ý mở rộng đường đi về phía gia đình bà D đúng theo quyết định số 2403/QĐ-UBND ngày 07/11/2014; Yêu cầu Chủ tịch UBND huyện L1 bồi thường toàn bộ chi phí thiệt hại 16.395.000 đồng trong quá trình giải quyết khiếu nại và khởi kiện tại Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông D xác định bà D chỉ yêu cầu Tòa án hủy quyết định số 2721/QĐ-UBND ngày 24/8/2018 và buộc Chủ tịch UBND huyện L1 bồi thường cho bà D số tiền 16.395.000 đồng là chi phí mà bà D đã phải bỏ ra trong các lần bà D đi khiếu nại tại Ủy ban và khởi kiện tại Tòa án.

Bà D cam kết hiện chỉ khởi kiện tại Tòa án mà không đồng thời khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền nào khác.

*Người đại diện theo ủy quyền người bị kiện là ông Nguyễn Gia H trình bày:*

Bà Nguyễn Thị D ngụ tại ấp Đ, xã L, huyện L1 gửi đơn đến UBND huyện khiếu nại việc ông Vũ Đức H lấn chiếm con đường đi của xóm làm người dân đi lấn vào phần đất của gia đình bà đã được UBND huyện cấp GCNQSDĐ.

Ngày 10/3/2017, UBND huyện L1 đã ban hành Công văn số 161/UBND-NC về việc trả lời đơn của bà Nguyễn Thị D. Theo đó, UBND huyện nhận thấy hiện trạng sử dụng đất của ông Vũ Đức H có một phần là “con đường” (thể hiện trên bản đồ chính quy xã L), tuy vậy, diện tích đất tăng thêm này được xem xét giải quyết theo quy định của Luật Đất đai hiện hành mà không thực hiện thu hồi đất để trả lại nguyên trạng con đường như bản đồ chính quy đã thể hiện.

Bà Nguyễn Thị D căn cứ vào GCNQSDĐ số H00597 do UBND huyện L1 cấp ngày 08/12/2009, Bản đồ chính quy của xã L năm 1998 và Quyết định số 2403/QĐ-UBND ngày 07/11/2014 của UBND tỉnh Bình Phước để khiếu nại Công Văn số 161/UBND-NC ngày 10/3/2017 của UBND huyện L1, bà Nguyễn Thị D yêu cầu UBND huyện giải quyết các nội dung:

- Thu hồi lại diện tích đất tăng thêm cho ông Vũ Đức H đã lấn chiếm.
- Trả lại hiện trạng, diện tích đất như GCNQSDĐ đất đã cấp cho bà D.

Qua kết quả xác minh:

Đối với thửa đất của ông Vũ Đức H:

Năm 1998 xã L đo đạc chính quy, thửa đất ông Vũ Đức H quản lý, sử dụng được xác định là thửa số 21 Tờ bản đồ 04, ông H đã kê khai, đăng ký để được cấp giấy CNQSDĐ nhưng đến năm 2005 ông H mới liên hệ cơ quan nhà nước thực hiện nghĩa vụ tài chính để nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 238 QSDĐ/12/99/QĐ-UB ngày 08/4/1999 do UBND huyện L1 cấp cho hộ ông Vũ Đức H với diện 15.151m<sup>2</sup>, ông H sử dụng đất ổn định theo hiện trạng từ đó đến năm 2016 không có tranh chấp, khiếu nại.

Đối với thửa đất của bà Nguyễn Thị D: Qua xác minh cho thấy, thửa đất của bà D đang sử dụng nguyên trước đây là đất của hộ ông Đào Xuân Th (địa chỉ ấp 3 xã L2, nay đã chết) và bà Lê Thị Lệ M, năm 2002 ông Th sang nhượng bằng giấy tay thửa đất cho ông Đỗ Duy T. Ông T sử dụng đến khoảng năm 2009 thì tiếp tục sang nhượng bằng giấy tay thửa đất trên cho ông Nguyễn Văn D (cha bà Nguyễn Thị D). Từ trước năm 2009 đã hình thành con đường đi như hiện trạng; khi sang nhượng mặc dù ông T và ông D lập giấy tay nhưng đã xem xét thực địa và thống nhất theo hiện trạng thực tế thửa đất.

Tuy nhiên theo hồ sơ địa chính thửa đất bà D đang sử dụng là do ông Đào Xuân Th khai phá từ năm 1990, năm 1998 đo đạc chính quy ông Th kê khai, đăng ký 02 thửa liền ranh là 16 và 19 tờ bản đồ 04 với diện tích 7884m<sup>2</sup> được UBND huyện L1 cấp GCNQSDĐ số 00279QSDĐ/12/99/QĐ-UB ngày 08/4/1999, nhưng đến ngày 07/10/2009 ông Th mới thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước để nhận GCNQSDĐ. Ngày 23/11/2009 ông Th lập hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ trên cho bà Nguyễn Thị D, hợp đồng được UBND xã L chứng thực số 52, quyền số 01TP/CT-SCT-HĐGD. Bà Nguyễn Thị D được UBND huyện L1 cấp GCNQSDĐ số H00597 ngày 02/12/2009.

Thực tế chuyển nhượng đất của bà D đã diễn ra qua nhiều người và thời gian dài từ ông Th sang ông T rồi đến bà D, các đương sự thực hiện chuyển nhượng bằng giấy tay không đo đạc lại mà thống nhất ranh giới theo hiện trạng thửa đất không có tranh chấp, khiếu nại. Khi lập hồ sơ chuyển nhượng theo quy định từ ông Th sang bà D chỉ căn cứ vào GCNQSDĐ mà không kiểm tra diện tích thực tế sử dụng nên không xác định được sự chênh lệch giữa diện tích trong sổ so với diện tích đất thực tế.

Quá trình làm việc bà D và ông D (cha bà D- người được ủy quyền) cung cấp các nội dung như sau: Năm 2009, khi bà D đến sử dụng đất đã hình thành sẵn con đường như hiện trạng, sau khi lập thủ tục sang nhượng quyền sử dụng đất và nhận giấy chứng nhận được cấp bà D phát hiện hiện trạng thửa đất và hình thể trên giấy chứng nhận không khớp nhau, đến năm 2012, thì làm đơn gửi đến các cấp đề nghị giải quyết, ông D cho biết khi đối chiếu bản đồ chính quy xã L và bản đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất cho thấy ông Vũ Đức H đã lấn chiếm hơn 200m<sup>2</sup> diện tích đất đường đi, do đó người dân đi vào phần đất của ông, làm cho con đường dịch chuyển về phía phần đất đã cấp GCNQSDĐ cho bà D dẫn đến diện tích đất sử dụng thực tế nhỏ hơn diện tích trên GCNQSDĐ. Trong

quá trình sử dụng đất, bà D không có tác động làm thay đổi hiện trạng con đường và sử dụng ổn định diện tích chuyển nhượng với ông T cho đến nay.

Kiểm tra đo đạc thực địa cho thấy:

Kết quả đo đạc thực địa khu đất ông H và bà D ngày 29/3/2016 do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện cho thấy diện tích đất thực tế của hộ ông Vũ Đức H là  $15.351\text{m}^2$  so với diện tích  $15.151\text{m}^2$  trong giấy chứng nhận, tăng  $200\text{m}^2$ , diện tích đất thực tế bà D quản lý sử dụng là  $7498\text{m}^2$  so với diện tích  $7884\text{m}^2$  trong giấy chứng nhận, giảm  $386\text{m}^2$ .

Việc diện tích thực tế chênh lệch so với diện tích được cấp GCNQSDĐ là do các hộ dân sử dụng đất có biến động về ranh giới và do bản đồ chính quy xã L được tạo lập từ năm 1998, hệ tọa độ áp dụng theo bản đồ chính quy đến nay đã có sự thay đổi. Mặt khác, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện L1 cũng đã có ý kiến tại Công Văn số 89/CNVPĐKĐĐ ngày 17/4/2018 với nội dung: Kết quả thể hiện đường ranh giới bản đồ chính quy lên kết quả đo đạc thực tế là chỉ mang tính tham khảo, không phải là căn cứ để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về đất đai.

Do bản đồ chính quy xã L được tạo lập từ trước năm 1998 đến nay có nhiều biến động nên hiện nay đang triển khai đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính cho xã L.

Kết quả làm việc với UBND xã L, Ban điều hành ấp và các hộ dân sống lân cận cho biết:

Con đường hiện hữu được sử dụng ổn định từ trước năm 2009 khi ông D (cha bà D) đến mua đất, từ năm 2009 đến nay hiện trạng con đường không thay đổi các hộ dân có ý kiến đề nghị giữ nguyên con đường đi như hiện hữu.

Quan điểm của UBND xã L về hiện trạng con đường từ trước năm 2009 đến nay vị trí con đường không thay đổi, về quy hoạch sửa chữa thì hiện tuyến đường này chưa có kế hoạch nâng cấp mở rộng và sẽ đưa vào thực hiện theo đề án 03 trong thời gian tới. UBND xã L đề nghị giữ nguyên hiện trạng con đường, yêu cầu các hộ dân sử dụng theo đúng hiện trạng.

Như vậy:

Từ trước năm 2009 các hộ có đất tiếp giáp con đường như ông H, ông Th và sau đó là ông T sử dụng đất ổn định theo ranh giới thửa đất của mình không tranh chấp, khiếu nại cũng như có tác động làm thay đổi vị trí con đường. Con đường hiện hữu được các hộ dân sử dụng ổn định từ trước đến nay. Tuy nhiên có sự biến động ngoài thực tế so với bản đồ năm 1998.

Quá trình sử dụng đất, mua bán, sang nhượng bằng giấy tay từ ông Th sang ông T rồi ông T đến bà D các hộ thống ranh giới thửa đất ngoài thực địa, sử dụng ổn định không tranh chấp. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Th theo bản đồ năm 1998 có nhiều biến động so với thực tế nhưng chưa được điều chỉnh. Đến năm 2009 ông Th và bà D vẫn căn cứ giấy chứng nhận lập

hồ sơ chuyển nhượng dẫn đến việc cấp giấy chứng nhận cho bà D không đúng với ranh giới thực tế mà các hộ thống nhất mua bán.

Do đó việc bà D căn cứ GCNQSD đất số H00597 ngày 08/12/2009 yêu cầu cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh diện tích, hình thể thửa đất ngoài thực địa đúng với diện tích, hình thể thửa đất trên giấy chứng nhận là không có cơ sở giải quyết. Bởi lẽ : Khi bà Nguyễn Thị D nhận sang nhượng quyền sử dụng đất đã kiểm tra và thống nhất hình thể thửa đất như thực địa. Việc cấp giấy chứng nhận cho bà D là do nhận chuyển nhượng, nếu chị không đồng ý với diện tích đất thực tế thì có thể tiến hành khởi kiện người chuyển nhượng đất cho bà đến Tòa án nhân dân huyện để được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

Kết quả kiểm tra đo đạc hiện trạng sử dụng đất của ông H, bà D và con đường, đối chiếu với bản đồ năm 1998 cũng như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H và bà D có sự thay đổi, diện tích đất ông H tăng lên là do biến động về ranh giới thửa đất.

Quyết định số 2403/QĐ-UBND ngày 07/11/2014 của UBND tỉnh Bình Phước đến nay không còn hiệu lực thi hành do đã bị thu hồi bằng Quyết định số 1864/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của UBND tỉnh Bình Phước. Do đó, bà D căn cứ Quyết định số 2403/QĐ-UBND ngày 07/11/2014 của UBND tỉnh Bình Phước để khiếu nại là không có cơ sở.

Việc UBND huyện L1 ban hành Quyết định số 2721/QĐ-UBND ngày 24/8/2018 về việc đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị D địa chỉ ấp Đ, xã L, huyện L1, tỉnh Bình Phước là đúng quy định pháp luật nên việc bà D yêu cầu hủy là không có cơ sở. Về yêu cầu bồi thường thì Chủ tịch UBND huyện L1 cũng không đồng ý do yêu cầu này không đúng pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Vũ Đức H trình bày:

Năm 1995, ông H nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Ph diện 01 diện tích đất chưa được cấp GCNQSDĐ. Khi chuyển nhượng, ông Ph có chỉ ranh đất và kê những hộ xung quanh có đất liền đến để chỉ ranh, trong đó có hộ ông Th. Đến năm 1999, mới tiến hành đo đạc chính quy và ông H được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất nêu trên. Hiện nay, GCNQSDĐ đang được ông H thế chấp tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Lộc Thái, L1, Bình Phước. Lúc mua đất, ông H và ông Th đã cắm mốc ranh đất, đã đào đường mương đất và ông Th đã thống nhất với ranh giới phân chia như vậy. Năm 1997, ông H tiến hành rào thêm bờ rào bằng lưới B40 và trồng cây xà cừ. Con đường đi nằm giữa đất ông H và bà D, hình thành từ năm 2005 trước khi bà D nhận chuyển nhượng từ ông Đỗ Duy T. Con đường do ông T và các hộ dân tự thỏa thuận, không xác định diện tích đất cụ thể. Diện tích đất trên ông H sử dụng ổn định, liên tục từ năm 1995, không có tranh chấp, không lấn chiếm đường đi chung.

- Ông Đoàn Công Tr trình bày:

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị D. Do nguồn gốc đất mà vợ ông là bà D đang bị lấn chiếm là đất của cha vợ anh (ông D) cho vợ anh đứng tên từ trước khi ông chị kết hôn. Thực tế vợ ông đã khiếu kiện, khiếu nại từ trước khi vợ chồng anh chung sống, kết hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước không mời ông tham gia tố tụng thì ông không có ý kiến gì. Vụ việc hiện vợ ông đang ủy quyền cho cha vợ ông là ông Nguyễn Văn D tham gia tố tụng tại Tòa, anh thấy như vậy là đã đảm bảo.

*Người làm chứng:*

- Ông Đỗ Duy T trình bày:

Vào năm 2002, ông T có nhận chuyển nhượng 01 diện tích đất từ ông Đào Xuân Th, diện tích đất khoảng 8000m<sup>2</sup>, do chưa có đo đạc thực tế. Diện tích đất trên đã được cấp GCNQSDĐ. Ông Th chỉ ranh đất giữa các hộ đúng như hiện nay. Con đường đi được ông T và các hộ dân thỏa thuận với nhau vào năm 2005, con đường đi là tự phát chứ không xác định rõ diện tích con đường đi cụ thể là bao nhiêu. Vào năm 2008, ông T chuyển nhượng diện tích đất nêu trên cho ông Nguyễn Văn D có chỉ ranh đất giữa các hộ, ông D đã đồng ý. Hiện trạng thửa đất và ranh mốc như bây giờ đã hình thành từ năm 2005 khi ông T và các hộ dân thỏa thuận con đường đi giáp đất của ông H (đã có hàng rào bằng kẽm gai và hàng cây xà cừ của ông H).

Việc ông H có lấn chiếm hay không ông T không rõ, nhưng hiện trạng thửa đất từ khi ông T chuyển nhượng cho ông Dung đến nay không thay đổi.

- Bà Lê Thị Lệ M trình bày:

Bà M là vợ ông Đào Xuân Th (đã chết). Trước năm 2009, gia đình bà có chuyển nhượng đất tọa lạc tại ấp Đ, xã L, huyện L1, tỉnh Bình Phước cho ông Đỗ Duy T, khi đó đất chưa có sổ. Đến năm 2009 ông T chuyển nhượng đất trên cho ông D. Diện tích đất trên hoàn toàn do chồng bà canh tác, quản lý nên bà không biết rõ về hiện trạng cũng như tứ cận của đất.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2019/HC-ST ngày 21/5/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã tuyên xử:*

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về yêu cầu hủy Quyết định số 2721/QĐ-UBND ngày 24/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L1, tỉnh Bình Phước về việc giải quyết đơn khiếu nại của chị Nguyễn Thị D.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D về yêu cầu Chủ tịch UBND huyện L1 phải bồi thường tổng số tiền 16.395.000 đồng (mười sáu triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng) mà bà D cho rằng bà đã chi phí trong ba lần đi khiếu nại tại UBND huyện L1 và khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Ngoài ra, bản án còn tuyên chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04 tháng 6 năm 2019, bà Nguyễn Thị D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kháng cáo.

Người bị kiện hủy bỏ Quyết định số 2721/QĐ-UBND ngày 24/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L1, tỉnh Bình Phước về việc giải quyết đơn khiếu nại của chị Nguyễn Thị D.

Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện đã tự nguyện hủy bỏ toàn bộ quyết định hành chính bị khởi kiện nhưng người khởi kiện không đồng ý rút đơn khởi kiện nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy:*

[1]. Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị D đúng trong thời hạn kháng cáo nên kháng cáo là hợp lệ được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của bà D về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2721/QĐ-UBND ngày 24/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L1, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện đã tự nguyện hủy bỏ toàn bộ quyết định hành chính bị khởi kiện; người khởi kiện không đồng ý rút đơn khởi kiện.

Khoản 2 Điều 235 Luật tố tụng hành chính quy định: “*Trường hợp người bị kiện sửa đổi, hủy bỏ quyết định hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc, quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh hoặc đình, khắc phục hành vi hành chính bị khởi kiện...thì:*

*b) Nếu người khởi kiện không rút đơn khởi kiện...thì Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án, quyết định sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại.*”

Căn cứ quy định của pháp luật trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính bị khởi kiện, không xem xét việc xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm cũng như yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà D mà cần hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét nội kháng cáo của bà D.

[3]. Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Án phí hành chính phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm để xét xử lại nên bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 2 Điều 235 của Luật tổ tụng hành chính;*

*Căn cứ Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

1. Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2019/HC-ST ngày 21/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước giải quyết lại vụ án.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị D không phải chịu. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà D đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 015208 ngày 04/6/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước.

3. Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Duyên    Phạm Công Mười**

**Hoàng Thanh Dũng**